

Số: /KL-TTTH Thanh Hoá, ngày tháng 4 năm 2026

## KẾT LUẬN

### Thanh tra hoạt động thu, chi tài chính và các khoản huy động xã hội hóa đối với trường THPT Lê Văn Hưu, tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Quyết định số 269/QĐ-TTTH ngày 16/01/2026 của Chánh thanh tra tỉnh về thanh tra hoạt động thu, chi tài chính và các khoản huy động xã hội hóa đối với các trường THPT: Lê Lai, Tỉnh Gia 2 và Lê Văn Hưu, tỉnh Thanh Hóa. Từ ngày 23/01/2026 đến ngày 30/3/2026 Đoàn Thanh tra đã tiến hành thanh tra trực tiếp và làm việc tại trụ sở cơ quan Thanh tra tỉnh.

Xét Báo cáo kết quả của Đoàn thanh tra, kết quả thẩm định dự thảo kết luận thanh tra. Chánh Thanh tra tỉnh kết luận đối với trường THPT Lê Văn Hưu như sau:

#### A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Trường THPT Lê Văn Hưu được thành lập từ năm 1963, là đơn vị có bề dày truyền thống giáo dục; có đội ngũ cán bộ, giáo viên yêu nghề, trình độ chuyên môn vững vàng. Số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đến thời điểm hiện tại 81 người, trong đó: 03 CBQL; 74 Giáo viên; 04 nhân viên (3 hợp đồng). Số lớp, số học sinh theo từng năm, cụ thể: Năm học 2021-2022 có 37 lớp, với 1490 học sinh; Năm học 2022-2023 có 37 lớp, với 1504 học sinh; Năm học 2023-2024 có 37 lớp với 1527 học sinh; Năm học 2024-2025 có 37 lớp, với 1566 học sinh; Năm học 2025-2026 có 36 lớp với 1579 học sinh. Quy mô, mức độ tự chủ nhà trường tự đảm bảo một phần chi thường xuyên theo Quyết định số 2584/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh giai đoạn 2022-2025.

#### B. KẾT QUẢ THANH TRA

##### 1. Công tác chỉ đạo, ban hành văn bản và tổ chức thực hiện thu- chi tài chính, huy động xã hội hoá trong nhà trường.

Từ năm 2021 đến năm 2025, trên cơ sở các văn bản quy định của pháp luật<sup>1</sup>; các văn bản hướng dẫn của Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT)<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015; Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý, học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực GDĐT; Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực Giáo dục, đào tạo; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật; Nghị quyết 287/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh.

<sup>2</sup> Công văn số 2448/SGDĐT-KHTC ngày 10/8/2020 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn triển khai, thực hiện các khoản thu, chi ngoài ngân sách trong các trường học năm học 2020 - 2021; Công văn 1146/SGDĐT-KHTC ngày

Nhà trường đã triển khai kế hoạch năm học, cũng như các khoản thu-chi tài chính và các khoản thu theo thỏa thuận đến toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên và phụ huynh học sinh thông qua việc tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt<sup>3</sup>, hội nghị toàn thể phụ huynh<sup>4</sup>; ban hành các Quyết định, kế hoạch và quy chế hoạt động theo từng năm học; quy chế chi tiêu nội bộ làm cơ sở quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí; thực hiện mức thu và định mức thu theo các văn bản chỉ đạo, quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Sở GD&ĐT.

**Qua kiểm tra cho thấy**, công tác tổ chức triển khai các văn bản hướng dẫn đối với quỹ Ban đại diện cha mẹ học sinh (CMHS) và Hội Chữ thập đỏ chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa Nhà trường và các tổ chức hội theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; mục 4.3 phần II Hướng dẫn liên ngành số 48-HD/LN ngày 10/9/2019 và mục 4.3 phần III Hướng dẫn liên ngành số 96-HD/LN ngày 17/8/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo - Tỉnh đoàn Thanh Hóa.

## **2. Công tác quản lý thu, chi tài chính**

### **2.1. Việc xây dựng, ban hành và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ**

Hằng năm, đơn vị xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ làm căn cứ thực hiện công tác quản lý thu - chi đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả. Việc ban hành Quy chế cơ bản đảm bảo đúng trình tự, thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Thông tư số 56/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính. Quy chế được phổ biến và công khai trong toàn đơn vị để cán bộ, viên chức và người lao động biết, tham gia giám sát và thực hiện.

**Qua kiểm tra cho thấy**, nhà trường chưa thực hiện đầy đủ quy trình ban hành quy chế theo quy định, cụ thể: chưa gửi dự thảo để xin ý kiến cơ quan quản lý cấp trên trước khi ban hành; sau khi ban hành Quy chế, chưa gửi về cơ quan quản lý cấp trên (Sở Giáo dục và Đào tạo) theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính. Bên cạnh đó, nội dung Quy chế còn một số điểm xây dựng chưa đảm bảo quy định (Quy chế năm 2025, mục 3 - chi các kỳ thi); đồng thời chưa bổ sung đầy đủ các nội dung theo Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính.

### **2.2. Việc lập, phân bổ, giao dự toán và tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước được giao**

05/05/2021 của Sở GD&ĐT về việc thực hiện công văn số 1505/BGDĐT-KHTC ngày 16/4/2021 của Bộ GD&ĐT; Công văn 2615/SGDĐT-KHTC ngày 21/9/2021 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn triển khai, thực hiện các khoản thu, chi trong các cơ sở giáo dục công lập năm học 2021-2022; Công văn 2689/SGDĐT-KHTC ngày 27/9/2021 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn giá dịch vụ trông giữ xe và dạy thêm, học thêm trong trường học năm học 2021-2022; Công văn 2516/SGDĐT-KHTC ngày 16/9/2022 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn triển khai, thực hiện các khoản thu, chi trong các cơ sở giáo dục công lập năm học 2022-2023.

<sup>3</sup> Quyết định số 76/QĐ-THPTLVH ngày 02/8/2021; Quyết định số 73/QĐ-THPTLVH ngày 6/9/2022; Quyết định số 99/QĐ-THPTLVH ngày 09/9/2023; Quyết định số 101/QĐ-THPTLVH ngày 15/8/2024; Quyết định số 87/QĐ-THPTLVH ngày 21/8/2025

<sup>4</sup> Biên bản hội nghị ngày 23/9/2021; ngày 17/9/2022; ngày 12/9/2023; ngày 10/9/2024; ngày 15/9/2025.

Nhà trường căn cứ quy định Luật Ngân sách Nhà nước (NSNN) năm 2015; Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP; Thông tư 71/2020/TT-BTC ngày 30/7/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN; Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022, Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ; Nghị quyết số 177/NQ-HĐND ngày 10/12/2021, Nghị quyết số 286/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022, Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 31/5/2024, Nghị quyết số 60/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa để lập dự toán và thực hiện dự toán được giao.

Hàng năm, các nguồn thu ngân sách nhà nước đều được Sở Tài chính thẩm định. Trong quá trình thực hiện, đơn vị cơ bản chấp hành dự toán được giao; các khoản chi thực hiện đúng mục đích, nội dung và trong phạm vi dự toán được duyệt; công tác hạch toán, theo dõi và quyết toán ngân sách được thực hiện theo quy định.

***Qua kiểm tra cho thấy***, việc theo dõi, điều hành dự toán trong năm có thời điểm chưa kịp thời, dẫn đến rút thừa chế độ, chính sách của học sinh trong các năm 2021, 2022; kinh phí cuối năm 2024, 2025 chưa được xử lý, hủy dự toán theo quy định tại Điều 54 và Điều 64 Luật Ngân sách nhà nước 2015.

### ***2.3. Việc trích lập kinh phí cải cách tiền lương, các quỹ theo quy định (Kèm theo phụ lục số 01)***

Đơn vị thực hiện trích lập nguồn kinh phí cải cách tiền lương và các quỹ cơ bản theo Điều 16, Điều 18 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP. Việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí và các quỹ cơ bản đảm bảo đúng mục đích, góp phần nâng cao hoạt động của đơn vị và cải thiện thu nhập cho cán bộ, viên chức, người lao động. Trong 5 năm nhà trường đã trích được như sau: Nguồn cải cách tiền lương 1.536.303.220 đồng; chi thu nhập tăng thêm cho người lao động số tiền 1.157.391.300 đồng; các quỹ 6.644.323.756 đồng.

***Qua kiểm tra cho thấy***, việc xác định nguồn để trích lập cải cách tiền lương của đơn vị chưa sát với chênh lệch thu, chi của từng nguồn thu sự nghiệp, chưa xác định đầy đủ các nguồn phải trích (học phí, trông giữ phương tiện giao thông, học thêm), dẫn đến trích thiếu nguồn cải cách tiền lương từ hoạt động trông giữ xe với số tiền 7.976.820 đồng (theo Thông báo quyết toán năm 2023 của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa).

### ***2.4. Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước***

Trong thời kỳ từ năm 2021 đến năm 2025, nhà trường có phát sinh doanh thu số tiền 1.085.866.100 đồng (năm 2021 là 285.796.100 đồng; năm 2022 là 103.200.000 đồng; năm 2023 là 246.150.000 đồng; năm 2024 là 146.520.000 đồng; năm 2025 là 304.200.000 đồng) nhưng đơn vị xác định chưa đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế dẫn tới chưa kê khai, chưa nộp thuế theo quy định, cụ thể:

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo Điều 3 Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính số tiền 54.293.300 đồng (năm 2021: 14.289.800 đồng; năm 2022: 5.160.000 đồng; năm 2023: 12.307.500 đồng; năm 2024: 7.326.000 đồng; năm 2025: 15.210.000 đồng).

+ Thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo Điều 7, Điều 8 và tiết b khoản 2 Điều 13 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính số tiền 54.293.300 đồng (năm 2021: 14.289.800 đồng; năm 2022: 5.160.000 đồng; năm 2023: 12.307.500 đồng; năm 2024: 7.326.000 đồng; năm 2025: 15.210.000 đồng).

- Ngày 04/02/2026, Chánh Thanh tra tỉnh ban hành Quyết định số 554/QĐ-TTTH thu hồi số tiền 108.586.600 đồng vào tài khoản chờ xử lý của Thanh tra tỉnh tại Kho bạc Nhà nước khu vực XI; ngày 05/02/2026 đơn vị đã nộp đủ số tiền thu hồi nêu trên.

### **3. Công tác nghiệp vụ kế toán, thực hiện công khai và báo cáo tài chính**

#### ***3.1. Việc mở sổ sách kế toán, ghi chép, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.***

Nhà trường đã thực hiện mở sổ kế toán, ghi chép và phản ánh các nghiệp vụ thu, chi cơ bản đầy đủ, kịp thời; số liệu giữa sổ kế toán và báo cáo tài chính cơ bản phù hợp với quy định của Luật Kế toán năm 2015; Thông tư số 107/2017/TT-BTC và Thông tư số 24/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính (có hiệu lực từ ngày 01/01/2025, áp dụng cho năm tài chính 2025). Công tác lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán cơ bản được thực hiện theo quy định.

***Qua kiểm tra cho thấy***, công tác lập và kiểm tra chứng từ chi chưa chặt chẽ (thiếu ngày, tháng, chữ ký). Đối với nguồn thu bảo hiểm y tế học sinh, đơn vị đã theo dõi trên sổ quỹ tiền mặt nhưng chưa thực hiện hạch toán và phản ánh đầy đủ trên hệ thống sổ kế toán theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính (đối với năm 2025 thực hiện theo khoản 1 Điều 6 Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính)

#### ***3.2. Việc thực hiện kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước***

Các khoản chi từ nguồn ngân sách nhà nước cơ bản được thực hiện thông qua kiểm soát chi tại Kho bạc; hồ sơ, chứng từ thanh toán được lập và gửi Kho bạc Nhà nước để kiểm soát trước khi thực hiện chi trả.

***Qua kiểm tra cho thấy***, một số khoản chi từ nguồn học phí, lệ phí<sup>5</sup> chưa thực hiện đầy đủ quy trình kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

<sup>5</sup> Cụ thể như PC số 019 ngày 13/3/2023, thanh toán kinh phí ban nề nếp kỳ 1 (2022-2023) số tiền 25.350.000 đồng; PC số 124 ngày 31/7/2023 hợp đồng thuê âm thanh ánh sáng số tiền 4.300.000 đồng; PC số 62 ngày 18/6/2025 thanh toán kinh phí ban nề nếp kỳ 1 (2024-2025) số tiền 26.500.000 đồng.

### **3.3. Việc lập, báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm, công khai tài chính<sup>6</sup>**

Nhà trường đã lập Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán cơ bản theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC và Thông tư số 24/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính; thực hiện đúng chế độ và thời gian theo quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

- Hàng năm, đơn vị thực hiện công khai tài chính đối với ngân sách nhà nước và các khoản thu ngoài ngân sách, theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, Thông tư số 36/2017/TT-BTC, Thông tư số 61/2017/TT-BTC của Bộ tài chính và Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đồng thời thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính theo Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC của Bộ Tài chính.

**Qua kiểm tra cho thấy**, việc thực hiện công khai tài chính của đơn vị có thời điểm chưa kịp thời theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính; Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân.

## **4. Thực hiện và quản lý các khoản thu, chi tài chính**

### **4.1. Thu ngân sách nhà nước (Kèm theo phụ lục số 01)**

Việc thực hiện thu ngân sách và các khoản thu từ hoạt động tài chính của đơn vị cơ bản tuân thủ quy định của pháp luật, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; các văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa về thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Các nội dung chi, thanh toán đơn vị cơ bản bám sát quy chế chi tiêu nội bộ và định mức, tiêu chuẩn, chế độ của Nhà nước.

**Qua kiểm tra cho thấy**, năm 2021, đơn vị đã rút thừa kinh phí chế độ con người và chính sách học sinh với tổng số tiền 94.620.000 đồng (*Kinh phí giảm biên chế so với đầu năm: 55.785.600 đồng; Kinh phí rút thừa chế độ cấp bù miễn, giảm học phí: 38.835.000 đồng*). Số kinh phí rút thừa nêu trên đã được Sở Tài

---

<sup>6</sup> Quyết định số 05/QĐ-THPTLVH ngày 06/01/2021 về việc công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2021; Quyết định số 46/QĐ-THPTLVH ngày 21/9/2021 về việc công khai các khoản thu ngoài ngân sách năm học 2020-2021; Quyết định số 04/QĐ-THPTLVH ngày 08/01/2022 về việc công khai Quyết toán thu, chi ngân sách năm 2021; Quyết định số 04/QĐ-THPTLVH ngày 06/01/2022 về việc công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2022; Quyết định số 122/QĐ-THPTLVH ngày 11/10/2021 về việc công khai các khoản thu ngoài ngân sách năm học 2021-2022; Quyết định số 102/QĐ-THPTLVH ngày 24/09/2022 về việc công khai Quyết toán thu, chi ngân sách năm 2021; Quyết định số 36a/QĐ-THPTLVH ngày 26/9/2023 về việc công khai các khoản thu ngoài ngân sách năm học 2022-2023; Quyết định số 136/QĐ-THPTLVH ngày 06/10/2025 về việc công khai Quyết toán thu, chi ngân sách và nguồn khác năm 2024; Quyết định số 108/QĐ-THPTLVH ngày 12/09/2023 về việc công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2022; Quyết định số 154/QĐ-THPTLVH ngày 23/9/2024 về việc công khai Quyết toán thu, chi ngân sách và nguồn khác năm 2023; Quyết định số 78/QĐ-THPTLVH ngày 12/9/2024 về việc công khai các khoản thu ngoài ngân sách năm học 2023-2024; Quyết định số 04/QĐ-THPTLVH ngày 16/01/2025 về việc công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2025; Quyết định số 126/QĐ-THPTLVH ngày 22/9/2025 về việc công khai các khoản thu ngoài ngân sách năm học 2024-2025;

chính giảm dự toán chi thường xuyên năm 2022 theo Thông báo số 5302/TB-STC ngày 27/9/2022.

- Năm 2022, đơn vị tổng hợp số lượng học sinh thuộc diện được hưởng chính sách chưa sát với thực tế tại thời điểm lập và rút dự toán, dẫn tới rút thừa kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh số tiền 36.917.500 đồng (*kinh phí cấp bù học phí 32.502.500 đồng; Kinh phí hỗ trợ học sinh khuyết tật 4.415.000 đồng*). Số tiền trên, đơn vị đã hoàn trả đầy đủ vào ngân sách nhà nước vào ngày 7/6/2023 và ngày 30/12/2023.

- Năm 2024, số biên chế của đơn vị giảm so với dự toán giao đầu năm 01 biên chế, tương ứng với số tiền 51.723.000 đồng nhưng chưa thực hiện hủy dự toán trong niên độ, chuyển sang năm 2025 mới thực hiện.

- Năm 2025, đơn vị chưa thực hiện hủy dự toán kinh phí do giảm biên chế so với dự toán giao đầu năm tại Kho bạc Nhà nước số tiền 330.829.758 đồng theo quy định tại Điều 64 Luật Ngân sách nhà nước 2015.

#### **4.2. Các khoản thu theo quy định của Nhà nước (Kèm theo phụ lục số 02)**

##### **a) Học phí**

Việc quản lý và sử dụng nguồn thu học phí cơ bản thực hiện theo Điều 14 Nghị định 86/2015/NĐ-CP; Điều 13 Nghị định 81/2021/NĐ-CP; Điều 13 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ.

- Trong thời kỳ 2021-2025, từ nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi, đơn vị đã ưu tiên phần lớn kinh phí để trích lập tạo nguồn cải cách tiền lương với tổng số tiền 1.364.367.800 đồng<sup>7</sup>; thực hiện trích lập các quỹ với số tiền 100.880.000 đồng<sup>8</sup>.

- Năm 2022, nhà trường thu mức 200.000 đồng/học sinh/tháng (T9-T12) theo Nghị quyết số 287/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa. Thực hiện Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ về việc giữ ổn định mức thu học phí năm học 2022-2023 bằng mức năm học 2021-2022, nhà trường đã hoàn trả lại số tiền chênh lệch trong năm 2023, gồm 456.678.000 đồng từ ngân sách nhà nước cấp bù 60% và 304.452.000 đồng từ nguồn thu tại đơn vị 40%.

**Qua kiểm tra cho thấy**, đến thời điểm thanh tra, đơn vị chưa thực hiện phân bổ, trích lập các quỹ theo quy định tại Điều 18 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 số tiền 787.680.300 đồng.

##### **b) Nguồn thu lệ phí thi tuyển sinh vào lớp 10, thi nghề**

Mức thu lệ phí tuyển sinh và lệ phí thi nghề được nhà trường thực hiện theo Nghị quyết số 286/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo. Việc quản lý và sử dụng lệ phí tuyển sinh, thi

<sup>7</sup> năm 2021 trích lập: 231.153.200 đồng; năm 2022 trích lập: 178.368.300 đồng; năm 2023 trích lập: 310.442.900 đồng; năm 2024 trích lập: 119.283.400 đồng; năm 2025 trích lập: 525.120.000 đồng.

<sup>8</sup> Quỹ phúc lợi 3.830.000 đồng, Quỹ khen thưởng 97.050.000 đồng.

nghe đơn vị thực hiện theo Nghị quyết số 252/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh.

***c) Bảo hiểm y tế học sinh***

Hàng năm, căn cứ các văn bản hướng dẫn của BHXH tỉnh Thanh Hóa, Sở GD&ĐT tỉnh Thanh Hóa, nhà trường tiến hành lập danh sách học sinh tham gia BHYT (trừ các đối tượng được miễn giảm theo quy định), tổ chức thu tiền để làm thẻ BHYT cho học sinh theo quy định.

***Qua kiểm tra cho thấy***, đơn vị đã theo dõi trên sổ quỹ tiền mặt nhưng chưa thực hiện hạch toán và phản ánh đầy đủ trên hệ thống sổ kế toán theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính (năm 2025 thực hiện theo khoản 1 Điều 6 Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính)

***d) Nguồn thu khác***

Giai đoạn 2021-2025, đơn vị có phát sinh các khoản thu từ nguồn thu khác như: kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu, hoa hồng bảo hiểm và kinh phí cấp bù thi tuyển sinh vào lớp 10.

***Qua kiểm tra cho thấy***, Một số khoản chi chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về hồ sơ, chứng từ (ngày, tháng, chữ ký người nhận tiền).

**4.3. Các khoản thu dịch vụ, thu thỏa thuận trong nhà trường**

***a) Trông giữ phương tiện giao thông (Kèm theo phụ lục số 02)***

Trong giai đoạn 2021-2025, nhà trường đã tổ chức trông giữ xe trong khuôn viên trường cho cán bộ, giáo viên và học sinh theo từng năm học. Mức thu trông giữ xe được áp dụng cơ bản phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 287/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa (thấp hơn mức tối đa theo quy định).

Nguồn thu chủ yếu được sử dụng để chi trả tiền công cho người trực tiếp trông giữ phương tiện và chi sửa chữa, tu bổ nhà xe. Trong thời kỳ từ năm 2021 đến năm 2025, kinh phí chi sửa chữa, tu bổ nhà xe là 492.938.000 đồng (năm 2022: 174.227.000 đồng; năm 2024: 235.431.000 đồng; năm 2025: 83.280.000 đồng). Các gói sửa chữa cơ bản thực hiện theo quy định của Luật đấu thầu.

***Qua kiểm tra cho thấy***, trong thời kỳ từ năm 2021 đến năm 2025, nhà trường có phát sinh doanh thu nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ kê khai và nộp thuế theo quy định của pháp luật, theo Điều 3, Điều 5 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 đối với thuế TNDN, theo Điều 7, Điều 8, tiết b khoản 2 Điều 13 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính đối với thuế GTGT, số tiền 108.586.600 đồng.

Đơn vị trích lập nguồn cải cách tiền lương và các quỹ chưa đảm bảo tỉ lệ theo Điều 16, Điều 18 Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Thông tư 47/2022/TT-BTC. Cụ thể: trích thiếu nguồn cải cách tiền lương số tiền 7.976.820 đồng (năm 2023); Chưa trích lập các quỹ theo quy định số tiền 38.585.400 đồng.

*b) Các khoản thu phục vụ học sinh: nước uống, sổ liên lạc điện tử, học phẩm (kèm theo phụ lục số 03)*

Trên cơ sở Nghị quyết số 286/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh và các Văn bản hướng dẫn thực hiện các khoản thu của Sở GD&ĐT Thanh Hóa, nhà trường xin ý kiến phụ huynh, thống nhất các khoản thu; công khai mức thu, đối tượng thu, thời gian thu và tổ chức thu theo kế hoạch, không phát sinh các khoản thu trái quy định. Các nguồn thu được quản lý chặt chẽ, hạch toán đầy đủ, sử dụng đúng mục đích, phục vụ trực tiếp cho hoạt động dạy và học, cải thiện điều kiện học tập cho học sinh.

***Qua kiểm tra cho thấy***, từ 2021 đến 2024 nhà trường tiến hành ký hợp đồng mua nước uống cho học sinh trực tiếp với hộ kinh doanh cá thể (do ông Cao Xuân Cường chủ cửa hàng) để cung cấp nước uống cho học sinh, là chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 2, Điều 1 Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08/04/2019 của Thủ tướng Chính phủ và quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15.

#### ***4.4. Các khoản thu từ dạy thêm, học thêm (kèm theo phụ lục số 02)***

Căn cứ Nghị quyết số 286/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa và các Công văn hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, nhà trường thực hiện mức thu học thêm đúng quy định; mức chi thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó 75% chi cho giáo viên trực tiếp dạy, 25% chi cho công tác quản lý, tăng cường cơ sở vật chất, việc chi đảm bảo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Số chênh lệch thu lớn hơn chi, đơn vị đã thực hiện trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để tăng cường cơ sở vật chất, với tổng số tiền 648.165.400 đồng (năm 2021 là 97.450.000 đồng; năm 2022 là 178.418.000 đồng; năm 2023 là 225.617.800 đồng; năm 2024 là 52.287.600 đồng; năm 2025 là 94.392.000 đồng); quỹ phúc lợi được trích lập với tổng số tiền 575.043.100 đồng (năm 2021 là 155.935.000 đồng; năm 2022: 152.444.400 đồng; năm 2023 là 114.289.200 đồng; năm 2024 là 152.374.500 đồng).

***Qua kiểm tra cho thấy***, một số khoản thanh toán cho cán bộ, viên chức, người lao động và thanh toán cho các tổ chức, đơn vị có tính chất chi thường xuyên nhưng chưa thực hiện thanh toán qua tài khoản, là chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật phòng chống tham nhũng năm 2018. Đơn vị trích lập nguồn cải cách tiền lương và các quỹ chưa bảo đảm tỉ lệ theo Điều 16, Điều 18 Nghị định 60/2021/NĐ-CP; Thông tư 47/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính.

***4.5. Các khoản thu của tổ chức, đoàn thể liên quan đến học sinh (Kèm theo phụ lục số 03)***

Các khoản thu, chi của các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường có liên quan đến học sinh được tổ chức thực hiện theo quy định, đảm bảo đúng mục đích, nội dung và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức<sup>9</sup>.

**Qua kiểm tra cho thấy**, kế hoạch sử dụng quỹ Ban đại diện Hội cha mẹ học sinh trường, quỹ Đoàn, đội chưa được Ban Giám hiệu nhà trường xem xét, thống nhất phê duyệt là chưa đảm bảo quy trình quản lý, sử dụng quỹ được quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 10 Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; mục 4.3, phần II Hướng dẫn liên ngành số 48-HD/LN ngày 10/9/2019 và mục 4.3, phần III Hướng dẫn liên ngành số 96-HD/LN ngày 17/8/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo - Tỉnh đoàn Thanh Hóa.

- Một số chứng từ chi chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 16 Luật Kế toán 2015 (thiếu chữ ký người mua hàng, ngày, tháng).

#### **4.6. Các khoản thu vận động xã hội hóa giáo dục**

Trong giai đoạn 2021-2025, đơn vị không thực hiện vận động tài trợ để tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy và học theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm 2023, để có kinh phí tổ chức kỷ niệm 60 năm thành lập trường, đơn vị đã xây dựng kế hoạch vận động tài trợ<sup>10</sup> và được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt<sup>11</sup>. Nhà trường đã kêu gọi các tổ chức, cá nhân là cựu học sinh của nhà trường tài trợ. Việc huy động, tiếp nhận và quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được thực hiện đúng chủ trương, đảm bảo công khai, minh bạch<sup>12</sup> và nhận được sự đồng thuận, ủng hộ của cán bộ, giáo viên, cựu học sinh, các tổ chức, cá nhân tài trợ.

- Tổng kinh phí vận động được của các tổ chức, cá nhân là 3.190.010.067 đồng (trong đó 3.186.600.000 đồng nhận từ việc tài trợ, 3.410.067 đồng có được từ nguồn phát sinh tiền lãi suất gửi ngân hàng của tổng số tiền nhận ủng hộ).

- Tổng chi 3.190.010.067 đồng (trong đó chi công tác tổ chức, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ Lễ kỷ niệm 60 năm thành lập trường số tiền 2.972.775.169 đồng; Chi phí duy trì tin nhắn tài khoản 4.168.546 đồng; chuyển quỹ khuyến học nhà trường 213.066.352 đồng).

**Qua kiểm tra cho thấy**, một số hồ sơ, chứng từ chi chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 16 Luật kế toán 2015 (thiếu chữ ký, ghi chưa đầy đủ ngày, tháng).

- Một số khoản chi chưa đảm bảo quy định, cụ thể việc chuyển kinh phí cho các tổ chức, cá nhân (cựu học sinh) để thực hiện việc sửa chữa các hạng mục cơ

<sup>9</sup> Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 Ban hành điều lệ ban đại diện cha mẹ học sinh; Công văn số 211/CTĐTH-VP ngày 19/8/2019, Công văn số 286/CTĐTH-VP ngày 22/8/2023 của Hội chữ thập đỏ tỉnh Thanh Hóa; Hướng dẫn liên ngành số 48-HD/LN ngày 10/9/2019 và Hướng dẫn số 96-HD/LN ngày 17/8/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo và Tỉnh đoàn Thanh Hóa về hoạt động đoàn, đội trong nhà trường.

<sup>10</sup> Tờ trình số 36/TTr-THPTLVH ngày 10/4/2023, về việc đề nghị được tổ chức Lễ kỷ niệm 60 ngày thành lập trường;

<sup>11</sup> Kế hoạch số 52a/KH-THPTLVH ngày 20/5/2023, về việc vận động, tiếp nhận tài trợ, ủng hộ Lễ kỷ niệm 60 năm thành lập trường (1963-2023)

<sup>12</sup> Quyết định số 152/QĐ- THPTLVH ngày 30/12/2023, Quyết định số 65a/ QĐ- THPTLVH ngày 30/12/2023, về việc công bố công khai quyết toán thu, chi.

sở vật chất của nhà trường chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; điểm h khoản 2 Điều 2 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư số 68/2022/TT-BTC).

- Việc thực hiện quy trình lựa chọn nhà thầu chưa thực hiện thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, chưa công khai kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính. và khoản 1 Điều 19 Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

## **C. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ**

### **1. Kết luận**

#### ***1.1. Ưu điểm, kết quả đạt được***

Công tác lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách cơ bản đảm bảo đúng quy định; các nguồn thu được quản lý, sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm; công tác công khai, minh bạch được quan tâm; việc trích lập các quỹ theo quy định, đặc biệt là quỹ thu nhập tăng thêm để bổ sung thu nhập cho cán bộ, viên chức và người lao động gắn với kết quả công việc, qua đó góp phần nâng cao đời sống, tạo động lực làm việc và khẳng định hiệu quả quản lý, sử dụng ngân sách của nhà trường.

#### ***1.2. Những tồn tại, hạn chế***

*a) Về công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện thu chi tài chính, huy động xã hội hoá*

- Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện thu, chi tài chính và huy động xã hội hoá giáo dục có nội dung chưa chặt chẽ; việc xây dựng, ban hành và phê duyệt kế hoạch đối với một số hoạt động thu, chi chưa đầy đủ, kịp thời theo quy định.

- Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị còn một số nội dung xây dựng chưa đảm bảo quy định (Quy chế năm 2025, mục 3 - chi các kỳ thi); việc cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa kịp thời; chưa bổ sung đầy đủ các nội dung theo Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính.

*b) Công tác quản lý thu chi, nghiệp vụ kế toán tài chính*

- Công tác lập dự toán có một số nội dung chưa sát với nhu cầu thực tế, chưa phù hợp quy định tại Điều 11 Thông tư 342/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính; việc theo dõi, điều hành và điều chỉnh dự toán trong năm có thời điểm chưa kịp thời, chưa đảm bảo quy định tại Điều 54 Luật Ngân sách nhà nước 2015 dẫn đến rút thừa chế độ, chính sách của học sinh các năm 2021, 2022.

- Một số khoản chi từ nguồn học phí chưa được kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP;

- Việc thực hiện công khai tài chính của đơn vị có thời điểm chưa kịp thời theo Thông tư số 36/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính; Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ GD&ĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân.

*c) Thực hiện và quản lý thu chi các khoản tài chính trong nhà trường*

- Trong thời kỳ từ năm 2021 đến năm 2025, nhà trường có phát sinh doanh thu nhưng xác định chưa đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế dẫn tới chưa kê khai, chưa nộp thuế TNDN theo Điều 3, Điều 5 Thông tư số 78/2014/TT-BTC; thuế GTGT theo Điều 7, Điều 8 và tiết b khoản 2 Điều 13 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính, số tiền 108.586.600 đồng.

- Đơn vị xác định tỷ lệ trích lập nguồn cải cách tiền lương và các quỹ chưa đảm bảo quy định, dẫn đến trích thiếu nguồn cải cách tiền lương số tiền 7.976.820 đồng (từ nguồn thu trông giữ phương tiện giao thông năm 2023); năm 2025 đơn vị có chênh lệch thu lớn hơn chi 826.265.700 đồng (trong đó: nguồn học phí 787.680.300 đồng, nguồn trông giữ phương tiện giao thông 38.585.400 đồng) nhưng đến thời điểm thanh tra chưa thực hiện phân bổ, trích lập các quỹ theo quy định tại Điều 16, Điều 18 Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Thông tư 47/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Trong các năm 2021, 2022, đơn vị rút thừa kinh phí phải nộp hoàn trả ngân sách, là chưa đúng quy định tại Điều 12 Luật Ngân sách nhà nước 2015. Năm 2024, kinh phí giảm do giảm 01 biên chế với số tiền 51.723.000 đồng nhưng đơn vị chưa thực hiện hủy dự toán trong niên độ, chuyển sang năm sau mới thực hiện; năm 2025, đơn vị chưa thực hiện hủy dự toán đối với số tiền 330.829.758 đồng (kinh phí giảm biên chế so với dự toán được giao đầu năm) chưa đảm bảo quy định tại Điều 64 Luật Ngân sách nhà nước 2015.

- Một số khoản thanh toán cho cán bộ, viên chức, người lao động và cho các tổ chức, đơn vị có tính chất chi thường xuyên nhưng không thực hiện chi trả qua tài khoản (nguồn học phí; học thêm, dạy thêm), là chưa đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Phòng, chống tham nhũng 2018.

- 1/6 gói thầu (tu sửa nhà xe 174.227.000 đồng từ nguồn trông giữ phương tiện giao thông) đơn vị chưa thực hiện thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, chưa công khai kết quả lựa chọn nhà thầu, là chưa đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính.

- Từ 2021 đến 2024, nhà trường ký hợp đồng mua nước uống trực tiếp với hộ kinh doanh cá thể do ông Cao Xuân Cường làm chủ hộ để cung cấp nước uống cho học sinh, nhưng không thực hiện đấu thầu là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08/04/2019 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 4 Điều 23 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15.

- Kế hoạch sử dụng quỹ Ban đại diện Hội cha mẹ học sinh trường, quỹ Đoàn, đội chưa được Ban Giám hiệu nhà trường xem xét, thống nhất phê duyệt là chưa đảm bảo quy trình quản lý, sử dụng quỹ được quy định tại điểm b, khoản 2,

Điều 10 Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; mục 4.3, phần II Hướng dẫn liên ngành số 48-HD/LN ngày 10/9/2019 và mục 4.3, phần III Hướng dẫn liên ngành số 96-HD/LN ngày 17/8/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo - Tỉnh đoàn Thanh Hóa. Một số chứng từ chi chưa đảm bảo đầy đủ chữ ký, ngày, tháng.

*d) Về vận động xã hội hoá Giáo dục.*

Một số hồ sơ, chứng từ chưa đầy đủ (thiếu chữ ký, ngày, tháng); một số khoản chi chưa đúng quy định, gồm việc chuyển kinh phí cho các tổ chức, cá nhân để sửa chữa cơ sở vật chất (theo khoản 2 Điều 7 Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018; điểm h khoản 2 Điều 2 Thông tư số 58/2016/TT-BTC, sửa đổi tại điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư số 68/2022/TT-BTC); quy trình lựa chọn nhà thầu chưa thực hiện thẩm định kế hoạch và chưa công khai kết quả (theo khoản 2 Điều 19 Thông tư số 58/2016/TT-BTC và khoản 1 Điều 19 Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT).

**1.3. Trách nhiệm để xảy ra tồn tại, hạn chế**

Trách nhiệm đối với các tồn tại, hạn chế nêu trên thuộc về Hiệu trưởng; các Phó Hiệu trưởng phụ trách lĩnh vực liên quan; Kế toán nhà trường trong công tác tham mưu, quản lý tài chính và thực hiện nghiệp vụ kế toán; các bộ phận chuyên môn trong việc tham mưu, đề xuất thực hiện.

**2. Kiến nghị**

**2.1. Đối với Trường THPT Lê Văn Hưu**

- Tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế; đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời các tồn tại, hạn chế đã được chỉ ra trong kết luận thanh tra.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thu, chi tài chính và huy động xã hội hóa giáo dục; đảm bảo xây dựng, ban hành và phê duyệt kế hoạch các hoạt động đầy đủ, kịp thời theo quy định. Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện Quy chế chi tiêu nội bộ, bảo đảm đầy đủ các nội dung theo quy định. Thực hiện công khai các khoản thu ngoài ngân sách đúng thời điểm theo Thông tư số 36/2017/TT-BTC và Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.

- Theo dõi, điều hành việc thực hiện dự toán trong năm, xử lý số dư cuối năm đúng quy định; bảo đảm quy trình kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước và thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt; hoàn thiện hồ sơ, chứng từ và lưu trữ theo quy định pháp luật; hạch toán đầy đủ các nguồn thu, trích lập các quỹ, thực hiện cải cách tiền lương và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế cho các năm tiếp theo.

- Hủy dự toán đối với kinh phí giám biên chế năm 2025 tại Kho bạc Nhà nước số tiền 330.829.758 đồng; khắc phục việc trích thiếu nguồn cải cách tiền lương 7.976.820 đồng (dịch vụ trông giữ phương tiện giao thông); phân bổ số chênh lệch thu, chi năm 2025 số tiền 826.265.700 đồng. Chấn chỉnh công tác quản lý thu, chi của các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường.

- Tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu trong lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ; thực hiện đầy đủ việc đăng tải thông tin và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

### **2.2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Chỉ đạo nhà trường nghiêm túc thực hiện kết luận và kiến nghị của Thanh tra tỉnh; đồng thời xem xét trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý của Giám đốc Sở trong việc để xảy ra các tồn tại, hạn chế.

- Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn, giám sát việc quản lý, sử dụng các nguồn thu đồng thời đôn đốc nhà trường rà soát, hoàn thiện Quy chế chi tiêu nội bộ theo đúng quy định.

### **2.3. Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh**

Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Trường THPT Lê Văn Hưu thực hiện nghiêm túc kết luận, kiến nghị của Thanh tra tỉnh; báo cáo kết quả thực hiện về Sở GD&ĐT và Thanh tra tỉnh, trước ngày 28/4/2026, để theo dõi, xử lý sau thanh tra.

## **3. Thực hiện kết luận và công khai kết luận thanh tra**

Việc tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra theo quy định tại Điều 54; công khai Kết luận thanh tra thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Thanh tra năm 2025: Công khai trước đối tượng thanh tra và công khai trên cổng thông tin điện tử của Thanh tra tỉnh./.

#### **Nơi nhận:**

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Chánh Thanh tra tỉnh (để b/c);
- Ban Nội chính TU (để p/h);
- UBKT Tỉnh ủy (để p/h);
- Sở GD&ĐT (để p/h);
- Trường THPT Lê Văn Hưu (để t/h);
- Phòng NV 5 (để theo dõi);
- Phòng NV 9 (để xử lý STT);
- Phòng NV 2 (để tổng hợp);
- Lưu: VT, ĐTT.

**KT. CHÁNH THANH TRA  
PHÓ CHÁNH THANH TRA**

**Phạm Xuân Dũng**

Phụ Lục số 01

**BẢNG TỔNG HỢP THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP, NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG VÀ THU, CHI CÁC QUỸ**

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	2021	2022	2023	2024	2025
<b>I</b>	<b>NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP</b>					
<b>1</b>	<b>Tổng thu</b>	<b>15.067.669</b>	<b>13.777.955</b>	<b>15.282.935</b>	<b>20.949.016</b>	<b>25.397.484</b>
1.1	KP tự chủ	14.334.000	13.369.000	14.465.779	19.245.000	22.093.000
1.2	KP không tự chủ	733.669	408.955	817.156	1.704.016	3.304.484
<b>2</b>	<b>Tổng chi</b>	<b>14.991.297</b>	<b>13.592.920,5</b>	<b>15.171.233,5</b>	<b>20.690.290,711</b>	<b>24.904.655,531</b>
<b>3</b>	<b>DT còn lại</b>	<b>76.372</b>	<b>185.034,5</b>	<b>111.701,5</b>	<b>258.725,289</b>	<b>492.828,469</b>
3.1	Hủy DT	76.372	185.034,5	111.701,5	204.726	151.198,711
3.2	Chuyển nguồn				53.999,289	341.629,758
<b>II</b>	<b>NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG VÀ THU, CHI CÁC QUỸ</b>					
<b>1</b>	<b>Cải cách tiền lương</b>					
	Dư đầu kỳ	347.666	672.27,8	850.647,1	310.442,9	119.283,4
	Thu	324.612,8	178.368,3	310.442,9	149.283,4	553.451
	Chi			850.647,1	340.442,9	0
	Tồn CK	672.27,8	850.647,1	310.442,9	119.283,4	672.734,4
<b>2</b>	<b>Quỹ phát triển Hoạt động sự nghiệp</b>					
	Dư đầu kỳ	272.844	259.878	67.493,6	219.303,192	101.702,06
	Thu	878.180	596.075	406.180,592	328.017,27	160.000
	Chi	891.146	788.459,4	254.372	445.618,4	115.074,3
	Tồn CK	259.878	67.493,6	219.303,192	101.702,06	146.627,76
<b>3</b>	<b>Quỹ phúc lợi</b>					
	Dư đầu kỳ	143.103	237.767,1	8.383,5	620,7	89.300
	Thu	455.935	232.444	374.289,2	391.374,5	315.100
	Chi	361.270,7	461.828	382.052	302.695,2	351.706
	Tồn CK	237.767,1	8.383,5	620,7	89.300	52.694
<b>4</b>	<b>Quỹ khen thưởng</b>					
	Dư đầu kỳ	8.540	10.009	2.406	4.474	8.146
	Thu	341.230	247.050	200.000	276.060	290.830
	Chi	339.761	254.653	197.932	272.388	119.375
	Tồn CK	10.009	2.406	4.474	8.146	179.601

Phụ Lục số 02

**BẢNG TỔNG HỢP NGUỒN THU, CHI THEO QUY ĐỊNH, THU KHÁC**

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	2021	2022	2023	2024	2025
<b>1</b>	<b>Học phí</b>					
	Dư đầu kỳ	441.125,6	672.278,8	850.647,1	310.442,9	119.283,4
	Thu	901.005	1.052.390	1.519.171	916.095,5	1.773.275
	Chi	669.851,8	874.021,7	2.059.375,2	1.107.255	460.429,7
	Tồn CK	672.278,8	850.647,1	310.442,9	119.283,4	1.432.083,7
<b>2</b>	<b>Lệ phí thi tuyển sinh vào 10, thi nghề</b>					
	Thu	93.980	98.515	169.450	159.120	167.130
	Chi	93.980	98.515	169.450	159.120	160.611,4
	Tồn cuối kỳ	0	0	0	0	6.518,6
<b>3</b>	<b>Bảo hiểm y tế học sinh</b>					
	Thu	370.178	600.818,885	958.971,195	1.269.493,44	875.832,75
	Chi	370.178	600.818,885	958.971,195	1.269.493,44	875.832,75
	<b>Nguồn khác (cấp bù lệ phí thi tuyển sinh, KP chăm sóc sức khỏe ban đầu)</b>					
	Dư đầu kỳ	6.280	20.430	0	47.420	70.301,941
<b>4</b>	Thu	234.212,186	113.842,747	189.298,474	126.484,898	181.380,681
	Chi	220.062,186	134.272,747	141.878,474	103.602,957	196.218.181
	Tồn CK	20.430	0	47.420	70.301,941	55.464,441
<b>5</b>	<b>Trông giữ phương tiện giao thông</b>					
	Dư đầu kỳ	70.336,1	188.397,1	14.950	146.568,5	4.018,1
	Thu	215.460	103.200	246.150	146.520	304.200
	Chi	97.399	276.647	114.531,6	289.070,4	209.471
	Tồn CK	188.397,1	14.950	146.568,5	4.018,1	98.747,1
<b>6</b>	<b>Dạy thêm, học thêm</b>					
	Thu	3.898.120	4.718.032	4.543.320	5.412.420	1.258.560
	Chi	3.898.120	4.718.032	4.543.320	5.412.420	1.258.560
	Tồn CK	0	0	0	0	0

Phụ lục số:03

**BẢNG TỔNG HỢP NGUỒN THU, CHI NGOÀI NGÂN SÁCH**

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	2021	2022	2023	2024	2025
<b>I</b>	<b>CÁC KHOẢN THU, CHI DỊCH VỤ PHỤC VỤ HỌC SINH</b>					
<b>1</b>	<b>Nước uống</b>					
	Thu	73.150	106.272	107.280	109.728	168.372
	Chi	73.150	106.272	107.280	109.728	0
	Tồn cuối kỳ	0	0	0	0	168.372
<b>2</b>	<b>Sổ liên lạc điện tử</b>					
	Thu	114.160	115.920	115.600	72.500	75.700
	Chi	114.160	115.920	115.600	72.500	75.700
<b>3</b>	<b>Học phẩm</b>					
	Thu	52.290	53.214	42.360	54.768	0
	Chi	52.290	53.214	42.360	54.768	0
<b>II</b>	<b>CÁC KHOẢN THU, CHI TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ</b>					
<b>1</b>	<b>Quỹ Ban đại diện cha mẹ học sinh (Hội phụ huynh)</b>					
	Dư đầu kỳ	98.918	173.588	196.624	224.709	261.211
	Thu	292.600	297.000	298.900	296.700	0
	Chi	217.930	273.964	270.815	260.198	171.844,8
	Tồn cuối kỳ	173.588	196.624	224.709	261.211	89.366,2
<b>2</b>	<b>Quỹ đoàn, đội</b>					
	Thu	75.480	73.584	74.436	74.958	76.470
	Chi	75.480	73.584	74.436	74.958	76.470
<b>3</b>	<b>Quỹ Hội Chữ thập đỏ</b>					
	Dư đầu kỳ	6.154,6	23.431,6	38.914,6	50.707,6	41.800,8
	Thu	46.912	70.660	72.492	75.230	134.758
	Chi	29.635	55.177	60.699	84.136,8	58.055,9
	Tồn cuối kỳ	23.431,6	38.914,6	50.707,6	41.800,8	118.502,9
<b>4</b>	<b>Quỹ khuyến học</b>					
	Dư đầu kỳ	73.846,1	50.856,1	151.326,1	223.445,1	511.876,952
	Thu		131.180	123.453	356.571,852	47.700
	Chi	22.990	30.710	51.334	68.150	31.710
	Tồn cuối kỳ	50.856,1	151.326,1	223.445,1	511.866,952	527.856,952